**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 03 năm 2026*

# NHÂN LỰC & THIẾT BỊ MÁY MÓC CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS – XD 47.006

**1. Tên cơ sở đề nghị công nhận: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC PHÚ TOÀN**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 4300829839 đăng ký lần đầu: ngày 21/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 22/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0905070357; 0905775052

**2. Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH LAS – XD 47.006**

Địa chỉ: Số 69 Lê Quý Đôn, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0905070357; 0905775052

Email: ducphutoan@gmail.com

**3. Quyết định thành lập Phòng thí nghiệm:**

- Quyết định số 01/QĐ-ĐPT, ký ngày 25/12/2018 của Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Đức Phú Toàn về việc thành lập phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình;

**4. Quyết định bổ nhiệm người phụ trách phòng thí nghiệm:**

- Quyết định số 02/ QĐ-ĐPT, ký ngày 25/12/2018 của Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Đức Phú Toàn về việc bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm:

+ Ông Trần Văn Châu giữ chức danh Trưởng phòng thí nghiệm

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu Đường

+ Giấy chứng nhận số 30083-A30085B/VNĐ-TNV cấp ngày 26/12/2021của Viện Nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt đới chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Quản lý phòng thí nghiệm

**5. Hợp đồng sử dụng lao động của phòng thí nghiệm:**

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Số hợp đồng lao động | Thời hạn hợp đồng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Trần Văn Châu | 25/05/1979 | 01/2019/HĐLĐ-ĐPT | Không thời hạn | |
| 02 | Phạm Duy Tùng | 10/10/1971 | 02/2021/HĐLĐ-ĐPT | Không thời hạn | |
| 03 | Phạm Duy Bảo | 01/01/1973 | 03/2021/HĐLĐ-ĐPT | Thời vụ | |
| 04 | Đoàn Văn Bình | 05/01/1983 | 04/2023/HĐLĐ-ĐPT | Thời vụ | |
| 05 | Nguyễn Ngọc Nhân | 09/06/1984 | 05/2023/HĐLĐ-ĐPT | Thời vụ | |
| 06 | Phạm Huỳnh Minh Đức | 09/04/2003 | 06/2023/HĐLĐ-ĐPT | Thời vụ | |

**6. Cán bộ, nhân viên của phòng thí nghiệm:**

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Trình đô chuyên môn | Công việc được giao | Thâm niên công tác |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Văn Châu | 1979 | Đại học | Trưởng phòng | 19 năm |
| 2 | Phạm Duy Tùng | 1971 | Đại học | Nhân viên | 25 năm |
| 3 | Phạm Duy Bảo | 1973 | Cao đẳng | Nhân viên | 15 năm |
| 4 | Đoàn Văn Bình | 1983 | TN viên | Nhân viên | 10 năm |
| 5 | Nguyễn Ngọc Nhân | 1984 | TN viên | Nhân viên | 07 năm |
| 6 | Phạm Huỳnh Minh Đức | 2003 | TN viên | Nhân viên | 01 năm |

## 7. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC 17025:2017

| Stt | Tên quy trình | Năm phát hành | Lần ban hành |
|---|---|---|---|
| 1 | STCL 01 – Sổ tay chất lượng | 2018 | 1 |
| 2 | CSCL 02 – Chính sách chất lượng | 2018 | 1 |
| 3 | TT 03 – Mục tiêu chất lượng | 2018 | 1 |
| 4 | TT 04 – Kiểm soát tài liệu | 2018 | 1 |
| 5 | TT 05 – Xem sét hợp đồng | 2018 | 1 |
| 6 | TT 06 – Hợp đồng phụ về thử nghiệm | 2018 | 1 |
| 7 | TT 07 – Mua dịch vụ và vật tư thí nghiệm | 2018 | 1 |
| 8 | TT 08 – Giải quyết khiếu nại | 2018 | 1 |
| 9 | TT 09 – Công việc không phù hợp | 2018 | 1 |
| 10 | TT 10 – Đánh giá nội bộ | 2018 | 1 |
| 11 | TT 11 – Xem sét lãnh đạo | 2018 | 1 |
| 12 | TT 12 – Nhân Sự | 2018 | 1 |
| 13 | TT 13 – Kiểm soát môi trường | 2018 | 1 |
| 14 | TT 14 – Hành động khắc phục và phòng ngừa | 2018 | 1 |
| 15 | TT 15 – Kiểm soát chất lượng | 2018 | 1 |
| 16 | TT 16 – Quản lý mẫu thử | 2018 | 1 |
| 17 | TT 17 – Phê duyệt phương pháp thử nghiệm | 2018 | 1 |
| 18 | TT 18 – Đánh giá độ không đảm bảo đo | 2018 | 1 |
| 19 | TT 19 – Quản lý thiết bị | 2018 | 1 |
| 20 | TT 20 – Hiệu chuẩn/kiểm tra thiết bị | 2018 | 1 |

## 8. Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên của nhân viên thí nghiệm:

| TT | Họ và tên | Số chứng chỉ đào tạo | chứng chỉ đào tạo | Ngày cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Trần Văn Châu | QĐ 01/2011/TNV | - Kỹ sư XD cầu đường<br>- Thí nghiệm viên công trình xây dựng | 18/2/2011 | |
| 02 | Phạm Duy Tùng | 860/QĐ/VKHCN-GTVT | -TNV chuyên nghành xây dựng giao thông | 3/10/2007 | |
| | | 02/2022/QĐ-STIC/TNXD-08 | -Thí nghiệm VLXD (xi măng; cốt liệu cho BT nặng và vữa XD; hỗn hợp BT và BT nặng; gạch xây) | 17/7/2022 | |
| | | 19-QĐ 01/2019/STIC/TNXD | -Thí nghiệm nhựa và Bê tông nhựa | 6/4/2019 | |
| | | 01-QĐ 01/2023 STIC/TNXD | -Thí nghiệm VL kim loại và liên kết hàn | 20/3/2023 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 413/CC-GĐ | -Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng<br>-Phổ biến quy phạm pháp luật, quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định và quan trắc công trình xây dựng.<br>-Tập huấn các giải pháp công nghệ trong quản lý chất lượng thi công BTN và XD, cải tạo, nâng cấp cầu ở Việt Nam | 31/10/2006<br>11/2016<br>25/9/2014 | |
| 03 | Phạm Duy Bảo | 02/2022/QĐ-STIC/TNXD-07<br>23-QĐ 01/2019/STIC/TNXD<br>QĐ 02/2019/STIC/TNXD-15<br>05/QĐ 01/2023/STIC/TNXD | -Thí nghiệm VLXD (xi măng; cốt liệu cho BT nặng và vữa XD; hỗn hợp BT và BT nặng; gạch xây)<br>-Thí nghiệm VL kim loại và liên kết hàn<br>-Thí nghiệm đất XD<br>- Thí nghiệm nhựa và bê tông nhựa | 17/7/2022<br>26/3/2019<br>10/4/2019<br>16/3/2023 | |
| 04 | Đoàn Văn Bình | QĐ 06-0048/2010/TNV | Thí nghiệm viên công trình xây dựng | 9/7/2010 | |
| 05 | Nguyễn Ngọc Nhân | QĐ 06-0055/2010/TNV | Thí nghiệm viên công trình xây dựng | 9/7/2010 | |
| 06 | Phạm Huỳnh Minh Đức | 02/2022/QĐ-STIC/TNXD-09 | Thí nghiệm VLXD (xi măng; cốt liệu cho BT nặng và vữa XD; hỗn hợp BT và BT nặng; gạch xây) | 17/7/2022 | |

## 9. Trang thiết bị:

### 9.1 Thiết bị vâng phòng:

| Tên thiết bị | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|
| Máy tính xách tay | 3 | Thương hiệu ASUS |
| Máy Photocopy | 1 | Máy photocopy TOSYBA |
| Máy in tài liệu | 2 | Máy in CANON |
| Xe ô tô phục vụ | 1 | Xe bán tải |

### 9.2. Phương tiện đo lường:

| Tên phương tiện đo | Phạm vi đo cấp chính xác | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối | Cơ quan kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| Lò nung | $20^0$C | | 02/03/2026 | Công ty CP | |

| Tên phương tiện đo | Phạm vi đo cấp chính xác | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối | Cơ quan kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| Tủ sấy | $1^0$C | | 02/03/2026 | kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền trung Tây nguyên | |
| Máy cắt đất 3 tốc độ, model: ZJ-TQ | 0-1200 N | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy thí nghiệm Marshall - TQ | 0-30kN | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy thí nghiệm CBR - TQ | 0-50kN | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Cân điện tử khả năng cân tối đa 4kg - Nhật | Max=4000g | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Cân điện tử khả năng cân tối đa 15kg - Mỹ | Max=15kg | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Cân điện tử khả năng cân tối đa 30kg - Mỹ | Max=30kg | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy nén bê tông 200 Tấn - TQ | 0-2000kN | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Súng bắn bê tông - Thụy Sỹ | 0-70Mpa | 1 năm | | | |
| Cần Benkelman - VN | Tỷ lệ 2/1 | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Kích thủy lực – TQ | 0-150kN | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy kéo thép vạn năng WE1000B-TQ | 0-1000kN<br>0-500kN<br>0-200kN | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Đồng hồ so | 0-10mm | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Đồng hồ so | 0-10mm | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Đồng hồ so | 0-10mm | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy thử thấm bê tông | 0-3.93Mpa | 1 năm | 02/03/2026 | | |
| Máy đo điện trở tiếp đất | 0-2000Ω | 1 năm | 02/03/2026 | | |

| Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Năm đưa vào sử dụng | Tài liệu kỹ thuật của thiết bị | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| Bộ thí nghiệm ép tĩnh | | | | |
| Bình tỷ trọng | | | | |
| Dao vòng | 30cm | | | |
| Tỷ trọng kế | 151H | | | |
| Bộ cassagrande | | | | |
| Bộ quả dọi vaxiliev | | | | |
| Bình tỷ trọng | 500ml | | | |
| Bình tam giác | 500ml | | | |
| Tấm kính nhám | | | | |
| Bộ khuôn CBR | | | | |
| Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn | | | | |
| Bộ cối chày Proctor cải tiến | | | | |
| Bộ CBR hiện trường | | | | |
| Hộp ẩm bằng nhôm | | | | |
| Tủ sấy | 300°C | | | |
| Bộ cối - chày | Sứ | | | |
| Bộ cối - chày | Đồng | | | |
| Máy hút chân không | | | | |
| Bình hút chân không | | | | |
| Bếp điện | | | | |
| Đồng hồ bấm giây | | | | |
| Bộ sàng thí nghiệm đất, đá, cát, BTN | | | | |
| Chén sứ chịu nhiệt | 50ml | | | |
| Kẹp gắp kim loại | | | | |
| Côn thử độ sụt inox | | | | |
| Bộ thùng đong vật liệu | | | | |
| Phễu xác định khối lượng thể tích xốp vật liệu | | | | |
| Bàn rung bê tông | | | | |



| Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Năm đưa vào sử dụng | Tài liệu kỹ thuật của thiết bị | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| Khuôn đúc bê tông | 150x150x150 mm | | | |
| Khuôn đúc bê tông | 200x200x200 mm | | | |
| Máy siêu âm bê tông model TICO | | | | |
| Khuôn nén dập xi lanh | | | | |
| Bình xác định hàm lượng bụi, bùn, sét của đá và cát | | | | |
| Thước kẹp | 200mm | | | |
| Máy thí nghiệm Los Angeles | | | | |
| Máy quay li tâm nhựa | | | | |
| Dụng cụ tạo mẫu bê tông | | | | |
| Dụng cụ tách mẫu | | | | |
| Bể ổn định nhiệt | | | | |
| Thước 3m | | | | |
| Phễu rót cát | | | | |
| Bộ dao đai | | | | |
| Dụng cụ đo nhám mặt đường | | | | |
| Sàng tiêu chuẩn xác định độ mịn xi măng | | | | |
| Bình tỷ trọng Le Chatelier | | | | |
| Bộ vica thí nghiệm xi măng | | | | |
| Khuôn Le Chatelier | | | | |
| Bằn dằn quay tay xác định độ lưu động của vữa | | | | |
| Nồi hấp mẫu xi măng | | | | |
| Máy trộn xi măng tự động | | | | |
| Máy dằn xi măng | | | | |
| Khuôn đúc mẫu vữa | 40x40x160 mm | | | |
| Gá nén và uốn mẫu vữa | | | | |
| Côn chày xác định độ hấp | | | | |

M.S.D.N: 4300829839 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC PHÚ TOÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI

| Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Năm đưa vào sử dụng | Tài liệu kỹ thuật của thiết bị | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| thụ nước | | | | |
| Bộ dụng cụ thí nghiệm Bentonit | | | | |
| Bộ dụng cụ thí nghiệm đương lượng cát | | | | |

**10. Diện tích và môi trường thử nghiệm:**

10.1. Sơ đồ mặt bằng và diện tích 125($m^2$) của bộ phận phòng thí nghiệm:

10.2. Môi trường các bộ phận thí nghiệm:

- Khả năng về điều hoà nhiệt độ, độ ẩm: Tốt
- Khả năng thoát nhiệt: Tốt
- Các điều kiện đảm bảo khác (chống rung, chống bụi, chống ồn, ánh sáng, phóng xạ,...): Tốt

10.3. Điều kiện về bảo vệ và an toàn lao động cho cán bộ nhân viên: tốt

**11. Cơ sở cam kết:**

- Thực hiện các quy định về công nhận phòng thí nghiệm;
- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá phòng thí nghiệm;
- Phòng thí nghiệm sẵn sàng để được tiến hành đánh giá.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**

**Trưởng Phòng**

**Trần Văn Châu**

**Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Đức Phú Toàn**

**Giám đốc**

M.S.D.N ... TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC PHÚ TOÀN ... TỈNH QUẢNG NGÃI

**Huỳnh Thị Tuệ Minh**